ĐỀ ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ 2 –KHỐI 12 NĂM HỌC 2018-2019

**Câu 1:** Biết *F(x)* là một nguyên hàm của hàm số  và . Tìm .

**A.** -1 **B.** 0 **C.** 4 **D.** 2

**Câu 2:** Cho hàm số . Gọi là một nguyên hàm của ,biết rằng = 4 thì

**A.**  **B.**

**C.**  **D.**

**Câu 3:** Tìm 

**A.**   **B.**  

**C.**   **D.**  

Câu 4: Giá trị m để hàm số  là một nguyên hàm của hàm số  là:

A.m = 1 B.m = 3 C.m = 0 D.m = 2

**Câu 5:**Tìm nguyên hàm của hàm số 

A. B.

C. D.

**Câu 6:** Hàm số  có nguyên hàm là:

A.  B. 

C.  D. .

**Câu 7:** Họ nguyên hàm *F*(*x*) của hàm số là :

A. B.

C. D. 

**Câu 8:** Phát biểu nào sau đây là đúng?

A. B. 

C.  D. 

**Câu 9:** Biết , với *a, b* là các số nguyên. Tính 

**A.** 2 **B.** 0 **C.** 1 **D.** 6

**Câu 10:** Tìm khẳng định **sai**.

**A.**  

**B.**  

**C.**  

**D.**  

**Câu 11:** Tích phân  có kết quả là

**A.**   **** **B.**   **** **C.**   **** **D.**   ****

**Câu 12:**  . Tổng a + b bằng:

**A.** 4 **B.** 7 **C.** 5 **D.**  

**Câu 13:** Biết . Tính .

**A.** 3 **B.** 6 **C.** 4 **D.** 36

**Câu 14:** Cho , đặt  khi đó ta có :

**A.**   **B.**   **C.**   **D.**  

**Câu 15:** Đổi biến  thì tích phân  thành:

**A.**   **B.**  

**C.**   **D.**  

**Câu 16:** Cho  và đặt *t* = *x*2 – 1 . Chọn khẳng định **sai** trong các khẳng định sau :

**A.**   **B.**   **C.**   **D.**  

**Câu 17:** Cho phân  với  thì 2 - 3*a* bằng :

**A.** 0 **B.** 3 **C.** 2 **D.** 6

**Câu 18:** Cho . Khi đó giá trị của a là:

A.a = 4 B.a = 0; a = 4 C.a = 2 D.a = 2; a = 4

**Câu 19:** Thể tích vật thể tròn xoay khi quay hình phẳng giới hạn bởi các đường quanh trục ox là:

**A.**   **B.**   **C.**   **D.**  

**Câu 20:** Tính diện tích hình phẳng giới hạn bởi đồ thị hàm số  trục hoành và 2 đường thẳng 

**A.**   **B.**   **** **C.**   **** **D.**   ****

**Câu 21:** Diện tích *S* của hình phẳng giới hạn bởi đồ thị của hàm số  liên tục và hai đường thẳng  được tính theo công thức:

**A.**  . **B.**  .

**C.**   **D.**  .

**Câu 22:** Diện tích hình phẳng giới hạn bởi đồ thị hàm số  và đường thẳng  là:

A.  B.  C.  D. 

**Câu 23:** Thể tích của khối tròn xoay tạo lên bởi lên hình phẳng (H) giới hạn bởi các đường  ;  khí quay xung quanh Ox là

A.  B. 

C.  D. 

**Câu 24**: Một vật chuyển động với vận tốc 10 m/s thì tăng tốc với gia tốc . Tính quãng đường vật đi được trong khoảng thời gian 10 giây kể từ lúc bắt đầu tăng tốc.

A.  B.  C.  D. 

**Câu 25**: Cho hàm số  và  liên tục trên  và thỏa mãn  với mọi . Gọi V là thể tích khối tròn xoay sinh ra khi quay quanh Ox hình phẳng giới hạn đồ thị  ; đường thẳng  . V được tính bởi công thức nào sau đây ?

A.  B. 

C.  D. 

**Câu 26**: Cho hàm số . Diện tích hình phẳng giới hạn bởi đồ thị hàm số, trục và hai đường thẳng  là:

A.  B. C.  D. 

**Câu 27:** Gọi  là mặt phẳng cắt ba trục tọa độ tại ba điểm ,  và . Phương trình mặt phẳng  là:

**A.**   **B.**  

**C.**   **D.**  

**Câu 28:** Trong không gian Oxyz cho 2 mp(Q): *mx* + *y* – *z*  +1 = 0 và (P): 2*x* – *ny*+3*z* – 2 = 0.

 Tìm tất cả các cặp *m, n* để (Q) song song với (P).

**A.**   **B.**   **C.**   **D.**  

**Câu 29:** Trong không gian Oxyz viết PT mặt phẳng (P) biết (P) cắt ba trục tọa độ lần lượt tại A, B, C sao cho M(1;2;3) làm trọng tâm tam giác ABC:

**A.** 6x-3y+2z-18 = 0 **B.** x+2y+3z = 0

**C.** 6x+3y+2z-18 = 0 **D.** 6x+3y+2z-18 = 0 hoặc x+2y+3z = 0

**Câu 30:** Cho ba điểm A(2;1;-1); B(-1;0;4);C(0;-2-1). Phương trình mặt phẳng nào đi qua A và vuông góc BC

**A.**  x – 3y + 5z + 1 = 0 **B.**  2x + y + z + 7 = 0 **C.**  2x – y + 5z – 5 = 0 **D.**  x – 2y – 5z – 5 = 0

**Câu 31:** Trong không gian với hệ tọa độ Oxyz, cho tam giác ABC có A(2;1;-3), B(4;2;1), C(3;0;5) và G(a;b;c) là trọng tâm của tam giác ABC. Giá trị của biểu thức P=abc là

A. 3. B. 4. C. 5. D. 0.

**Câu 32:** Trong không gian với hệ tọa độ Oxyz, cho hai vectơ . Góc giữa hai vectơ  là

A. 300. B. 600. C. 1200. D. 900.

**Câu 33:** Trong không gian với hệ tọa độ Oxyz, cho hai điểm A(1;3;0), B(0;-1;-1). Điểm M thuộc trục Oy mà MA=MB có tọa độ là

A. (0;1;0). B. (0;2;0). C. (4;0;0). D. (0;0;2).

**Câu 34:** Trong không gian với hệ tọa độ Oxyz, cho mặt cầu . Tọa độ tâm I và bán kính R của mặt cầu là

A.  B. 

C.  D. 

**Câu 35:** Trong không gian với hệ tọa độ Oxyz, cho hai điểm A(1;2;3), B(-3;0;5). Phương trình mặt cầu đường kính AB là

A.  B. 

C.  D. 

**Câu 36:** Trong không gian với hệ tọa độ Oxyz, cho mặt phẳng và mặt cầu  Mặt phẳng (Q) song song với (P) và tiếp xúc với mặt cầu (S) có phương trình là

A.  B. 

C.  D. 

**Câu 37:** Trong không gian với hệ tọa độ Oxyz, cho mặt phẳng . Chọn khẳng định đúng.

A. Mặt phẳng (P) có duy nhất một vectơ pháp tuyến, vectơ đó là 

B. Mặt phẳng (P) có vô số vectơ pháp tuyến, trong đó có một vectơ là 

C. Mặt phẳng (P) có vô số vectơ pháp tuyến và  là một vectơ pháp tuyến của (P).

D. Mặt phẳng (P) có duy nhất một vectơ pháp tuyến, vectơ đó là 

**Câu 38**. Cho mp(P): x – 2y + 2z – 3 = 0 và mp(Q): mx +y – 2z + 1 = 0 . Với giá trị nào của m thì 2 mặt phẳng vuông góc :

**A.** m = -6 **B**. m = 6 **C**. m = 1 **D**. m = -1

**Câu 39**. Khoảng cách giữa hai mp(P):2x + y + 2z – 1 = 0 và mp(Q): 2x + y + 2z + 5 = 0 là :

**A**.6 **B.** 2 **C**. 1 **D**. 0

**Câu 40** . Điểm M trên trục Ox cách đều hai mặt phẳng x + 2y -2z + 1 = 0 và 2x + 2y + z – 5 = 0 có tọa độ:

1. (-4;0;0) **B**. (7;0;0) **C**. (-6;0;0) **D**. (6;0;0)